CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
PETROVIETNAM SECURITIES INC
PSI

BÁO CÁO CẬP NHẬT: QUÝ IV.2018

TCT CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ-PTSC

KHUYẾN NGHỊ: MUA

Tháng 1.2019

Người thực hiện: Chu Thế Huynh

Email: huynhct@psi.vn

THÔNG TIN NIÊM YẾT	
Ngành	Công nghiệp-Dầu khí
Sàn giao dịch	HNX
Mã chứng khoán	PVS
Vốn điều lệ	4.780 tỷ đồng
Vốn hóa: 30/1/2019	8.890 tỷ đồng
Giá hiện tại: 30/1/2019	19.100 đồng
Giá mục tiêu 12 tháng	25.400 đồng

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51.38 %
Cổ đông nước ngoài	21.37 %
Cổ đông khác	27.25 %

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU 12 THÁNG

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	2016	2017	2018
Tổng tài sản	25.541	23.872	22.543
Nợ phải trả	13.789	11.791	10.388
Vốn chủ sở hữu	11.752	12.081	12.155
Doanh thu thuần	18.682	16.921	14.667
Lợi nhuận gộp	783	1.080	1.078
EBITDA	2.183	2.066	1.592
Lợi nhuận ròng	910	1.034	549
EPS (đ)	2.122	2.054	2.080
Cổ tức bằng tiền (đ)	500	500	Na
Lợi suất cổ tức	4.2%	3.2%	NA

KẾT QUẢ ĐỊNH GIÁ	
Phương pháp PE	**23.200 đồng**
Phương pháp PB	**21.900 đồng**
Phương pháp FCFE	**25.400 đồng**

Năm 2018, Tổng công ty đạt 14.667 tỷ đồng doanh thu hợp nhất, vượt 12,8% kế hoạch cả năm và bằng 86.7% của năm 2017.
Lợi nhuận gộp đạt 1.078 tỷ đồng, bằng 99.8% so với năm 2017. Doanh thu sụt giảm nhưng lợi nhuận gộp lại ổn định chủ yếu nhờ vào lợi nhuận gộp của lĩnh vực cơ khí chế tạo tăng mạnh từ 158 tỷ đồng lên 805 tỷ đồng.
Lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt đạt 959 và 550 tỷ đồng, bằng 74% và 53% của năm 2017, chủ yếu do công ty thực hiện đánh giá lại tài sản và nợ vay tại Công ty CGGV. Lợi nhuận thuộc cổ đông công ty mẹ đạt 1.023 tỷ đồng, tăng 2% so với năm 2017.
Cùng với các dự án dầu khí đang và sẽ được đầu tư trong giai đoạn 2018-2022 như Sao Vàng Đại Nguyệt, Sư Tử Trắng giai đoạn 2, Nam Côn Sơn 2 giai đoạn 2 và Lô B-Ô môn, kết quả kinh doanh dự kiến sẽ tốt lên trong giai đoạn 2019-2022. Chúng tôi tiếp tục đánh giá cơ hội đầu tư vào PVS là hấp dẫn và khuyến nghị* MUA *cổ phiếu với mục tiêu 12 tháng tới là khoảng 25.400 đồng mỗi cổ phần.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH QIV VÀ CẢ NĂM 2018

Trong quý IV.2018, doanh thu hợp nhất đạt 3.299 tỷ đồng, tiếp tục giảm so với quý III và bằng 54,5% cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do lĩnh vực cơ khí chế tạo có doanh thu chiếm tỷ trọng lớn giảm mạnh trong kỳ khi chỉ đạt 1.246 tỷ đồng, giảm 34,75 so với quý III và giảm 67,9% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu lĩnh vực Tàu kỹ thuật, bảo dưỡng sửa chữa cũng giảm nhẹ trong kỳ, trong khi các lĩnh vực Kho nổi, Khảo sát địa chấn, Căn cứ cảng có sự hồi phục và tăng trưởng trong kỳ, đặc biệt là hoạt động Căn cứ cảng có doanh thu tăng 41% so cùng kỳ năm trước.

Lũy kế cả năm, doanh thu hợp nhất đạt 14.667 tỷ đồng, hoàn thành 112,8% kế hoạch năm và bằng 86.7% năm 2017. Lĩnh vực có sự tăng trưởng doanh thu là Lắp đặt bảo dưỡng và sửa chữa tăng 41%, Căn cứ Cảng là 18%, còn lại các lĩnh vực khác đều có sự suy giảm doanh thu, dẫn đầu là lĩnh vực FPSO/FSO với mức giảm 42,7%, khảo sát Địa chất, địa chấn với 21,4%, Cơ khí chế tạo là 11,7%, Tàu kỹ thuật 10,7%.

Chi phí giá vốn hàng bán quý IV đạt 2.869 tỷ đồng, bằng 49.9% cùng kỳ năm trước, điều này có nghĩa là chi phí tăng chậm hơn so với doanh thu. Cả năm, chi phí giá vốn hàng bán đạt 13.589 tỷ đồng và bằng 85,8% năm 2017.

Lợi nhuận gộp quý IV đạt 430 tỷ đồng, tăng 46,3% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp đóng góp lớn chủ yếu tư hoạt động cơ khí chế tạo với 317 tỷ đồng, chiếm 74% lợi nhuận gộp toàn công ty. Biên lợi nhuận gộp quý IV đạt 13%, cải thiện mạnh so với mức 4.9% của cùng kỳ 2017. Lĩnh vực Cơ khí chế tạo có biên lợi nhuận gộp cải thiện mạnh mẽ từ mức 1,9% lên 11%, nên mặc dù doanh thu giảm, lợi nhuận gộp lĩnh vực này cả năm lại tăng mạnh hơn 5 lần so với năm 2017. Biên lợi nhuận gộp lĩnh vực FPSO/FSO cũng cải thiện tốt, từ 4,5% của năm 2017 lên mức 7% trong 2018. Lũy kế cả năm, lợi nhuận gộp đạt 1.078 tỷ đồng, bằng 99.8% của năm 2017, biên lợi nhuận gộp cả năm đạt 7.4%, cải thiện tốt từ mức 6.4% của năm 2017.

Doanh thu tài chính quý IV đạt 233 tỷ đồng, tăng mạnh so với mức 58 tỷ đồng của quý IV.2017, chủ yếu do trong kỳ công ty có khoản lợi nhuận từ tỷ giá với 170 tỷ đồng. Chí phí tài chính trong kỳ đạt 11 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay chỉ là 6 tỷ đồng. Lũy kế cả năm, doanh thu tài chính đạt 503 tỷ đồng, tăng 71% so với năm 2017, trong khi chi phí tài chính là 66 tỷ đồng, giảm 21.9% so với năm 2017.

Lãi từ công ty liên doanh liên kết đạt 326 tỷ đồng, tăng mạnh so với mức chỉ là 18 tỷ đồng của cùng kỳ 2017, cả năm lãi từ công ty liên doanh liên kết đạt 734 tỷ đồng, tăng 59% so với 2017. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ít biến động trong kỳ, lũy kế cả năm lần lượt đạt 101 tỷ và 673 tỷ đồng, tương ứng 119% và 84% của năm 2017.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 692 tỷ đồng, bằng 5,1 lần so với cùng kỳ 2017. Lũy kế cả năm đạt 1.475 tỷ đồng, bằng 2,18 lần so với 2017.

Trong quý IV, chi phí khác tăng mạnh lên 634 tỷ đồng, trong khi doanh thu khác là 110 tỷ đồng. Chi phí khác tăng mạnh trong kỳ là do công ty thực hiện hạch toán chênh lệch đánh giá lại tài sản và nợ vay tại Công ty TNHH khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV (CGGV) trong tiến trình đóng cửa công ty này. Lũy kê cả năm, chi phí khác đạt 644 tỷ đồng, trong khi thu nhập khác là 128 tỷ đồng.

Kết quả là lợi nhuận trước thuế quý IV đạt 168 tỷ đồng, chỉ bằng 42.6% cùng kỳ 2017. Lợi nhuận sau thuế đạt 4 tỷ đồng, giảm mạnh so với mức 320 tỷ đồng cùng kỳ 2017. Lũy kế cả năm, lợi nhuận trước thuế đạt 959 tỷ đồng, vượt 37% kế hoạch năm và bằng 73.8% của năm 2017. Lợi nhuận sau thuế đạt 550 tỷ đồng, bằng 98% kế hoạch năm.

Mặc dù vậy lợi nhuận cổ đông công ty mẹ quý IV đạt 334 tỷ đồng, lũy kế cả năm đạt 1.023 tỷ đồng, bằng 102% so với 2017. Điều này do lợi nhuận của công ty sụt giảm mạnh đến từ công ty con và sau khi hạch toán phần lỗ thuộc về công ty, lợi nhuận cổ đông công ty mẹ lại tăng lên.
Như vậy, có thể thấy, doanh thu quý IV tuy có giảm, lợi nhuận gộp trong kỳ lại tăng mạnh. Lợi nhuận từ hoạt động tài chính, từ công ty liên doanh liên kết đều tăng, và nếu loại trừ phần hạch toán đánh giá lại chênh lệch tài sản và nợ vay từ công ty CGGV, thì kết quả quý IV và cả năm 2018 là rất khả quan.

Chỉ tiêu tài chính: (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Q4.2017	Q4.2018	2018	So sánh			
				QoQ		YoY	KH
				Q4.18/Q3.18	Q4.18/Q4.17	2018/2017	KH
Doanh thu thuần	**6,048**	**3,299**	**14,667**	89.1%	54.5%	86.7%	112.82%
Tàu kỹ thuật	532	461	1,829	87.3%	86.7%	89.3%	
FPSO, FSO	486	519	1,694	182.7%	106.8%	57.3%	
Khảo sát địa chất, địa chấn	218	228	830	73.1%	104.6%	78.6%	
Căn cứ cảng	336	473	1,584	119.7%	140.8%	118.3%	
Cơ khí, xây lắp	3,880	1,246	7,301	66.3%	32.1%	88.3%	
Sửa chữa, lắp đặt, bảo dưỡng	292	287	1,049	138.6%	98.3%	140.9%	
Khác	111	85	380	85.9%	76.6%	96.0%	
Giá vốn hàng bán	**5,754**	**2,869**	**13,589**	82.9%	49.9%	85.8%	
Lãi gộp	**294**	**430**	**1,078**	**177.7%**	**146.3%**	**99.8%**	
Tàu kỹ thuật	19	41	133	205.0%	215.8%	72.0%	
FPSO, FSO	13	46	118	-575.0%	353.8%	88.6%	
Khảo sát địa chất, địa chấn	(134)	(72)	(376)	153.2%	53.7%	355.3%	
Căn cứ cảng	100	137	371	142.7%	137.0%	114.3%	
Cơ khí, xây lắp	(7)	317	805	203.2%	-4528.6%	508.1%	
Sửa chữa, lắp đặt, bảo dưỡng	29	29	59	322.2%	100.0%	90.3%	
Khác	(22)	(67)	(31)	-372.2%	304.5%	-64.4%	
Biên LNG	**4.9%**	**13.0%**	**7.3%**	**199.4%**	**268.1%**	**115.2%**	
Tàu kỹ thuật	3.6%	8.9%	7.3%	234.8%	249.0%	80.7%	
FPSO, FSO	2.7%	8.9%	7.0%	-314.6%	331.3%	154.6%	
Khảo sát địa chất, địa chấn	-61.5%	-31.6%	-45.3%	209.6%	51.4%	451.9%	
Căn cứ cảng	29.8%	29.0%	23.4%	119.2%	97.3%	96.6%	
Cơ khí, xây lắp	-0.2%	25.4%	11.0%	306.4%	-14101.8%	575.6%	
Sửa chữa, lắp đặt, bảo dưỡng	9.9%	10.1%	5.6%	232.4%	101.7%	64.1%	
Khác	-19.8%	-78.8%	-8.2%	-433.5%	397.7%	-67.1%	
Thu/Chi tài chính	58	222	437	296.0%	382.8%	207.8%	
Thu tài chính	79	233	503	228.4%	294.9%	170.7%	
Chi tài chính	21	11	66	40.7%	52.4%	78.1%	
Chi phí lãi vay	8	6	27	100.0%	75.0%	71.2%	
Lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	18	326	734	388.1%	1811.1%	159.2%	
Chi phí bán hàng	28	33	101	143.5%	117.9%	118.5%	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	207	253	673	187.4%	122.2%	93.8%	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**135**	**692**	**1,475**	**284.8%**	**512.6%**	**154.0%**	
Thu/Chi bất thường	259	(524)	(516)	na	-202.3%	-151.0%	

PSI – Hà Nội
Hội sở: Tầng 2 tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 3934 3888
Fax: (84-4) 3934 3999

PSI – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Lầu 1, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3914 6789
Fax: (84-8) 3914 6969

PSI – Chi nhánh Vũng Tàu
Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: (84-64) 254520/22/23/24/26
Fax: (84-64) 625 4521

PSI – Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: (84-511) 389 9338
Fax: (84-511) 389 9339

Thu nhập khác	5,176	110	128	3666.7%	2.1%	2.4%	
Chi phí khác	4,917	634	644	21133.3%	12.9%	13.1%	
Lợi nhuận trước thuế	**394**	**168**	**959**	**69.1%**	**42.6%**	**73.8%**	**137%**
Lợi nhuận sau thuế	**320**	**4**	**550**	**2.1%**	**1.3%**	**53.2%**	**98%**
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	**331**	**334**	**1,024**	**150.5%**	**100.9%**	**101.7%**	
Thu nhập mỗi cổ phần	**741**	**699**	**2,080**	**140.6%**	**94.3%**	**101.3%**	

Cơ cấu doanh thu

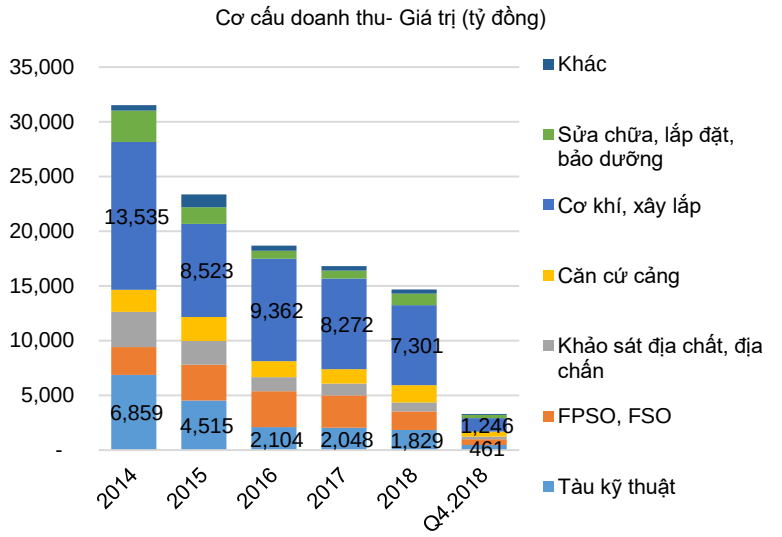

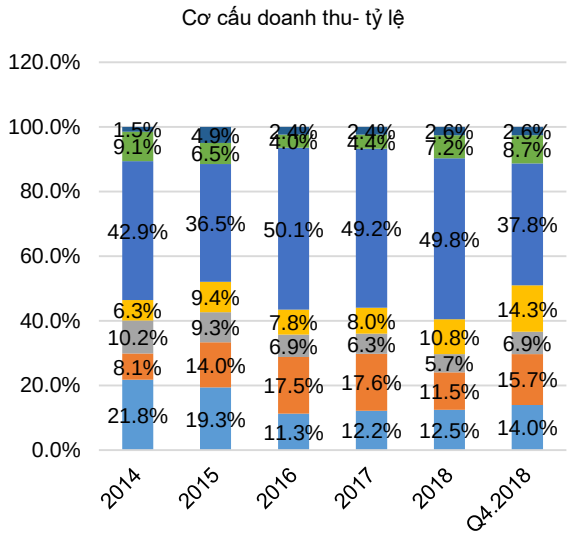

Tình hình tài sản

Tổng tài sản đến cuối quý IV đạt 22.523 tỷ đồng, giảm 1.329 tỷ đồng so với đầu năm, trong khi tài sản ngắn hạn ít thay đổi, thì tài sản dài hạn giảm khá mạnh trong kỳ. Tài sản ngắn hạn đạt 13.823 tỷ đồng, tăng 2% so với đầu năm và chiếm 61.3%, tài sản dài hạn đạt 8.720 tỷ đồng, giảm 15,4% và chiếm 38.7% tổng tài sản.

Tiền, tương đương tiền, đầu tư tài chính (tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng) chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản ngắn hạn với 58%, giá trị đạt 8.035 tỷ đồng, đây là giá trị tiền, tương đương tiền cao nhất từ trước đến nay của công ty.

Khoản phải thu, hàng tồn kho vẫn được kiểm soát tốt và chỉ biến động nhỏ, trong khi khoản phải thu giảm 450 tỷ đồng so với đầu năm, thì hàng tồn kho tăng nhẹ 32 tỷ đồng, lần lượt đạt 4.951 tỷ và 469 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn khác cũng giảm nhẹ 70 tỷ trong kỳ và đạt 368 tỷ đồng.

Tài sản dài hạn có sự biến động giảm trong kỳ là do giá trị tài sản cố định giảm và khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết cũng giảm.

Cụ thể, tài sản cố định giảm do trong quý IV, công ty thực hiện đánh giá lại tài sản tại công ty con CGGV với giá trị nguyên giá tài sản cố định giảm 1.784 tỷ đồng. Kết quả là giá trị nguyên giá tài sản cố định cuối năm đạt 10.794 tỷ đồng, giá trị còn lại đạt 2.835 tỷ đồng.

Trong quý IV, công ty cũng thực hiện giảm vốn chủ sở hữu góp vào 2 công ty liên doanh liên kết theo quyết định của HĐQT 2 công ty này với giá trị 855 tỷ đồng. Cụ thể, tại CTLD Vietnam Offshore Floating Terminal (VOFT) giảm giá trị góp vốn của công ty từ 32,78 triệu USD xuống còn 8,78 triệu USD, tương đương 427 tỷ đồng. Tại Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (PTSC AP), giá vị vốn góp giảm từ 51 triệu USD xuống còn 30,6 triệu USD, tương đương 428 tỷ đồng. Việc giảm vốn góp của Công ty tại hai liên doanh này không làm giảm tỷ lệ sở hữu của công ty tại liên doanh, Chúng tôi cho rằng sau nhiều năm hoạt động, cùng với việc lợi nhuận tích lũy, nợ vay giảm tại các liên doanh thì việc giảm vốn chủ sở hữu tại các liên doanh này là hợp lý, chủ đầu tư thu bớt tiền vốn đã góp.

PSI – Hà Nội
Hội sở: Tầng 2 tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 3934 3888
Fax: (84-4) 3934 3999

PSI – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Lầu 1, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3914 6789
Fax: (84-8) 3914 6969

PSI – Chi nhánh Vũng Tàu
Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: (84-64) 254520/22/23/24/26
Fax: (84-64) 625 4521

PSI – Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: (84-511) 389 9338
Fax: (84-511) 389 9339

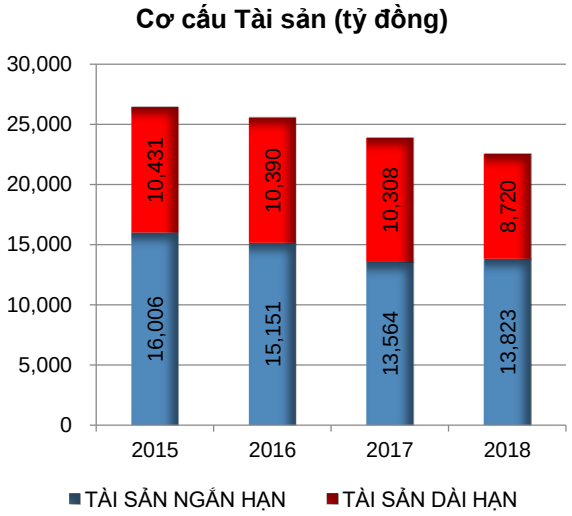

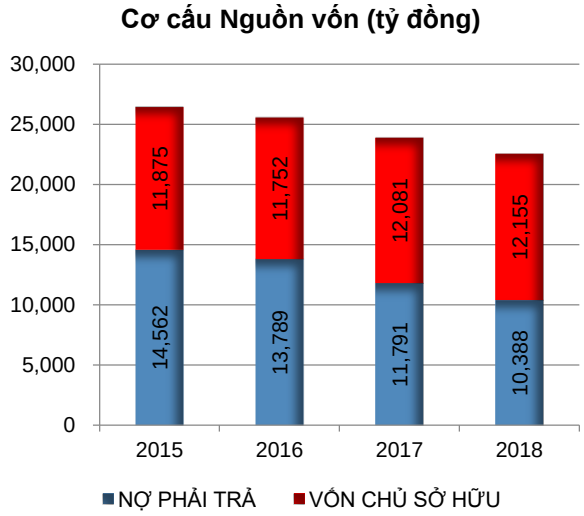

Về Nguồn vốn, trong khi Nợ phải trả giảm thì Vốn chủ sở hữu tiếp tục tăng lên, trong quý IV, công ty đã thực hiện tăng vốn cổ phần bằng việc trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 7%, tăng vốn từ 4.467 tỷ lên 4.780 tỷ đồng.

Nợ phải trả đến cuối năm đạt 10.388 tỷ đồng, giảm 1.403 tỷ đồng và chiếm 46.1% Tổng nguồn vốn. Nợ phải trả ngắn hạn đạt 6.844 tỷ đồng, giảm 517 tỷ đồng, trong đó Phải trả người bán có giá trị lớn nhất với 3.171 tỷ đồng. Nợ vay ngắn hạn đạt 721 tỷ đồng, tăng thêm 466 tỷ đồng, chủ yếu là do nợ dài hạn chuyển sang kỳ hạn ngắn phải trả trong kỳ.

Nợ phải trả dài hạn cuối kỳ đạt 3.544, giảm 887 tỷ đồng so với đầu năm. Nợ dài hạn chủ yếu các các khoản dự phòng phải trả (1.428 tỷ), Doanh thu trả trước dài hạn (842 tỷ) và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (731 tỷ). Nợ vay dài hạn chỉ còn 193 tỷ đồng, giảm từ 901 tỷ hồi đầu năm.

Vốn chủ sở hữu đến cuối năm đạt 12.155 tỷ đồng, tăng nhẹ thêm 74 tỷ so với hồi đầu năm, chiếm 53.9%, trong đó Vốn chủ sở hữu công ty mẹ đạt 11.322 tỷ đồng, giá trị cổ đông không kiểm soát đạt 833 tỷ đồng, giảm 503 tỷ so với đầu năm.

Trong kỳ công ty cũng đã thực hiện tăng vốn điều lệ (vốn cổ phần) thêm 313 tỷ đồng bằng phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 7%. Vốn điều lệ tăng lên đạt 4.780 tỷ đồng.

Triển vọng năm 2019-2022

Giá dầu tăng trở lại trong năm 2018 mặc dù đang có sự điều chỉnh lớn từ cuối quý IV.2018, các dự án của nganhf dầu khí trong nước cũng đang đi vào giai đoạn cần tập trung và đẩy mạnh đầu tư trong chiến lược dài hạn phát triển của ngành 2018-2022.

Trong giai đoạn 2019-2022, Công ty cùng các đơn vị thành viên tiếp tục tìm kiếm và tham gia các hợp đồng chế tạo cơ khí cho các dự án như Sao Vàng- Đại Nguyệt, đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2 giai đoạn 2, Lô B Ô môn, các dự án hóa dầu, khí, điện khác.

Trong năm 2019, cùng với việc tiếp tục thực hiện dự án Sao Vàng Đại Nguyệt, trong những tháng cuối năm 2018, Công ty và đơn vị thành viên tiếp tục nhận được các hợp đồng cơ khí chế tạo, đầu tư kho nổi mới như dự án với đối tác MISC, thông qua liên doanh MVOT đã được khách hàng Idemitsu Kosan Co., Ltd. trao thầu dự án cung cấp và cho thuê Kho nổi chứa và xuất sản phẩm dầu khí (FSO) phục vụ Đề án phát triển cụm mỏ Sao Vàng và Đại Nguyệt. Gói thầu có giá trị khoảng 176 triệu usd và cố định trong 7 năm đầu, ngoài ra có thể tiếp tục gia hạn thêm 8 năm tiếp theo. Hay hợp đồng tổng thầu EPCI với North Oil Company (NOC) - một thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Qatar gói thầu Gallaf (Al Shaheen) cho PTSC M&C. Giá trị hợp đồng của gói thầu khoảng 320 triệu USD.

Trong năm 2019, Chúng tôi dự báo doanh thu của công ty có thể tăng trưởng ở mức 15%-18%, đạt mức 16.400 tỷ đồng nhờ vào các hoạt động cơ khí chế tạo, dịch vụ tàu kỹ thuật, cảng căn cứ dầu khí. Lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt đạt 1.300 và 1.100 tỷ đồng.

PSI – Hà Nội
Hội sở: Tầng 2 tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 3934 3888
Fax: (84-4) 3934 3999

PSI – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Lầu 1, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3914 6789
Fax: (84-8) 3914 6969

PSI – Chi nhánh Vũng Tàu
Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: (84-64) 254520/22/23/24/26
Fax: (84-64) 625 4521

PSI – Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: (84-511) 389 9338
Fax: (84-511) 389 9339

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	2016	2017	2018
Doanh thu thuần	**18,682**	**16.920**	**14.667**
Giá vốn hàng bán	17,899	15.840	13.589
Lợi nhuận gộp	**783**	**1.080**	1.078
Doanh thu hoạt động tài chính	306	295	503
Chi phí tài chính	160	84	66
Trong đó: Chi phí lãi vay	56	38	26
Lãi (lỗ) cty liên doanh/liên kết	667	461	734
Chi phí bán hàng	92	85	101
Chi phí quản lý doanh nghiệp	540	708	673
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	**964**	**9.58**	**1.474**
Thu nhập khác	304	5.274	128
Chi phí khác	12	4.933	644
Lợi nhuận khác	292	342	-516
Lợi nhuận trước thuế	**1,256**	**1.300**	**959**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	158	618	202
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	188	-353	207
Lợi nhuận sau thuế	**910**	**1.034**	**549**
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(129)	27	-474
Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ	**1,039**	**1.007**	**1.023**

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN

	2016	2017	2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**15,151**	**13,564**	**13.823**
Tiền và tương đương tiền	5,884	5,761	6.434
Đầu tư tài chính ngắn hạn	911	1,525	1.600
Các khoản phải thu	6,125	5,402	4.951
Hàng tồn kho	1,651	438	469
Tài sản ngắn hạn khác	581	438	368
TÀI SẢN DÀI HẠN	**10,390**	**10,308**	**8.720**
Phải thu dài hạn	67	35	32
Tài sản cố định	4,649	3,911	2.863
Bất động sản đầu tư	198	193	188
Đầu tư tài chính dài hạn	4,734	4,930	4.458
Tài sản dài hạn khác	742	1,239	991
TỔNG TÀI SẢN	**25,541**	**23,872**	**22.543**
NỢ PHẢI TRẢ	**13,789**	**11,791**	**10.388**
Nợ ngắn hạn	9,743	7,360	6.844
Vay và nợ ngắn hạn	*432*	*255*	*721*
Phải trả người bán	*4,052*	*3,090*	*3.171*
Người mua trả tiền trước	*1,432*	*298*	*140*
Nợ dài hạn	4,045	4,431	3.544
Vay và nợ dài hạn	*1,144*	*901*	*193*
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**11,752**	**10,745**	**12.154**
Vốn đầu tư của CSH	4,467	4,467	4.780
Thặng dư vốn cổ phần	40	40	40
Quỹ đầu tư phát triển	2.626	2.729	2.767
Lợi nhuận chưa phân phối	3,189	3.509	3.735
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,431	1,336	833
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**25,541**	**23,872**	**22.543**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của PVS, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt được lập theo mô hình riêng.

LƯU CHUYỂN DÒNG TIỀN	2016	2017	2018
Tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	**1.256**	**1.005**	**959**
Điều chỉnh:			
Khấu hao tài sản cố định	871	685	567
Các khoản dự phòng	-8	187	150
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	40	-21	0
Tăng (giảm) các khoản phải thu	-610	442	665
Tăng (giảm) hàng tồn kho	-456	1.525	67
Tăng (giảm) các khoản phải trả	56	-1.291	-1.050
Tiền tăng (giảm) từ hoạt động kinh doanh	**-76**	**985**	**148**
Tiền từ hoạt động đầu tư			
Tăng (giảm) đầu tư TSCĐ	-447	-427	-350
Tăng giảm thu chi cho vay, mua công cụ nợ	-322	-591	822
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	218	560	770
Tiền tăng (giảm) từ hoạt động đầu tư	**-551**	**-458**	**1.242**
Tiền từ hoạt động tài chính/tài trợ			
Góp vốn, huy động vốn cổ phiếu			
Tiền thu từ đi vay	59	63	34
Tiền trả nợ gốc vay	-735	-430	-290
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-809	-284	-509
Tiền từ hoạt động tài chính	**-1.485**	**-651**	**-765**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**-2.112**	**-124**	**626**
Tiền tương đương tiền đầu kỳ	**7.991**	**5.884**	**5.761**
Tiền tương đương tiền cuối kỳ	**5.884**	**5.761**	**6.434**

HỆ SỐ TÀI CHÍNH	2016	2017	2018
Hệ số thanh khoản			
Hệ số thanh toán hiện thời	1.56	1.84	2.02
Hệ số thanh toán nhanh	1.39	1.78	1.95
Hệ số hoạt động			
Số vòng quay khoản phải thu	3.05	3.11	2.96
Số vòng quay hàng tồn kho	10.84	36.55	28.96
Số vòng quay tổng tài sản	0.73	0.70	0.65
Hệ số đòn bẩy			
Hệ số nợ	0.54	0.49	0.46
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1.34	1.10	0.92
Hệ số sinh lời			
Tỷ suất lãi gộp/Doanh thu	4.2%	4.8%	7.4%
Tỷ suất lợi nhuận k.doanh/Doanh thu	1.6%	1.3%	10.1%
ROA	4.1%	3.4%	4.5%
ROE	10.1%	7.4%	9.0%
Hệ số khác			
Lợi nhuận ròng/CP (EPS)	2,325	2.054	2.080
Giá trị sổ sách cổ phần(BPS)	23,107	24,054	23.687
Cổ tức mỗi cổ phần	1,000	1200	Na
Dividend Yeild	8.2%	6.2%	Na

PSI – Hà Nội
Hội sở: Tầng 2 tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 3934 3888
Fax: (84-4) 3934 3999

PSI – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Lầu 1, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3914 6789
Fax: (84-8) 3914 6969

PSI – Chi nhánh Vũng Tàu
Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: (84-64) 254520/22/23/24/26
Fax: (84-64) 625 4521

PSI – Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: (84-511) 389 9338
Fax: (84-511) 389 9339

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Hệ thống khuyến nghị của PSI được xây dựng dựa trên mức chênh lệch giữa kết quả định giá và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm định giá, có giá trị 6 tháng kể từ thời điểm phát hành báo cáo. Có 3 mức khuyến nghị cho mỗi cổ phiếu, tương ứng với từng mức chênh lệch. Các khuyến nghị có thể được thay đổi sau mỗi lần cập nhật hoặc đánh giá lại để phù hợp với tình hình và kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

- **MUA:** khi giá thị trường thấp hơn giá định giá 15%
- **GIỮ:** khi giá thị trường nằm trong biên độ giá định giá +/- 15%
- **BÁN:** khi giá thị trường cao hơn giá định giá 15%

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Lê Đức Khánh
Phó Giám đốc Phụ trách Trung tâm Phân Tích
Email: khanhld@psi.vn

Nguyễn Văn Chính
Phó Phòng phụ trách Phòng PTCS
Email: chinhnc@psi.vn

Lê Thị Kim Huê
Chuyên viên phân tích
Email: hueltk@psi.vn

Phan Bích Ngọc
Chuyên viên phân tích
Email: ngocpb@psi.vn

Chu Thế Huynh
Trưởng Phòng Phân tích doanh nghiệp
Email: huynhct@psi.vn

Đỗ Trung Thành
Chuyên viên phân tích
Email: thanhdt@psi.vn

Ngô Hồng Đức
Chuyên viên phân tích
Email: Ducnh@psi.vn

Nguyễn Thị Thu Thuỷ
Phó Phòng phụ trách Phòng PTSP
Email: huynhct@psi.vn

Chu Hà Thanh
Chuyên viên phân tích
Email: thanhch@psi.vn

Bùi Thị Thu Thủy
Chuyên viên phân tích
Email: Thuybtt@psi.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Tòa nhà Hanoitourist, số 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: + 84 4 3934 3888 - Fax: +84 3934 3999

Website: www.psi.vn

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Lầu 1, tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3914 6789
Fax: (84-8) 3914 6969

Chi nhánh TP. Vũng Tàu
Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: (84-64) 254520/22/23/24/26
Fax: (84-64) 625 4521

Chi nhánh TP. Đà Nẵng
Tầng 3, tòa nhà số 53 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: (84-511) 389 9338
Fax: (84-511) 389 9339

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được PSI đưa ra dựa trên những nguồn tin mà PSI coi là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, PSI không đảm bảo tính đầy đủ và chính xác tuyệt đối của các thông tin này.

Báo cáo được đưa ra dựa trên các quan điểm của cá nhân chuyên viên phân tích, không nhằm mục đích chào bán, lôi kéo nhà đầu tư mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng báo cáo này như một nguồn tham khảo cho quyết định đầu tư của mình và PSI sẽ không chịu bất cứ trách nhiệm nào trước nhà đầu tư cũng như đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này về những tổn thất có thể xảy ra khi đầu tư hoặc thông tin sai lệch về đối tượng được nhắc đến trong báo cáo này.

Bản báo cáo này là tài sản của PSI. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn, trích dẫn không được sự đồng ý của PSI đều là trái pháp luật. Bất kỳ nội dung nào của bản báo cáo này đều không được phép sao chép, sửa đổi, in ấn, trích dẫn nếu không được sự đồng ý của PSI.